

Số: /KH-UBND

Trà Cú, ngày tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn huyện Trà Cú

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Trà Cú về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi năm 2023 trên địa bàn huyện Trà Cú (gọi tắt là Chương trình), với những nội dung cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠT RA NĂM 2022

Huyện Trà Cú thực hiện 05/10 Dự án và các Tiểu dự án, năm 2022 được phân bổ 46.711 triệu đồng từ ngân sách Trung ương (vốn đầu tư 32.059 triệu đồng; vốn sự nghiệp 14.652 triệu đồng), vốn vay tín dụng 24.860 triệu đồng.

Qua tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, tính đến ngày 31/01/2023 đã giải ngân 10.507/46.711 triệu đồng, đạt 22,5% so với vốn phân bổ (vốn đầu tư đã giải ngân 9.780,18/32.059 triệu đồng, đạt 30,55%; vốn sự nghiệp đã giải ngân 687,218/14.652 triệu đồng, đạt 4,7%; vốn vay tín dụng đã giải ngân 13.578/24.860 triệu đồng, đạt 54,61%) và kết quả thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ DTTS: Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 32/267 hộ; vốn tín dụng giải ngân cho 300 hộ, số tiền 13.578/24.860 triệu đồng, đạt 54,61% kế hoạch.

- Đầu tư xây dựng 16 công trình các loại (13 công trình chuyển tiếp từ năm 2022; 03 công trình khởi công mới), trong đó có 04 công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng; 03 công trình đạt trên 70%; 02 công trình đạt từ 80-95%; 02 công trình còn vướng mặt bằng; 02 công trình đạt từ 10 - 25%; 02 công trình đang lựa chọn nhà thầu; 01 công trình phê duyệt dự toán. Bàn giao đưa vào sử dụng 05 công trình duy tu, bảo dưỡng.

- Số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 02/02 xã (Ngãi Xuyên và Hàm Giang, huyện Trà Cú).

- Số ấp ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 01/03 ấp (ấp Trà Cú C, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú).

- Đối với các chỉ tiêu khác trong Chương trình đang triển khai thực hiện.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ngành tỉnh, của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động bám sát các văn bản của Trung ương, tỉnh để tập trung chỉ đạo, điều hành và ban hành các văn bản có liên quan trong triển khai thực hiện, bước đầu cơ bản đạt được một số nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

- Việc triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn; thành lập bộ Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban ngành và từng thành viên; công tác phối hợp thực hiện Chương trình; về kiểm tra, giám sát được quan tâm thực hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế

Nhìn chung, hiện nay các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS đang được xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do thời gian phân bổ vốn trễ vào những tháng cuối năm 2022 và văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa kịp thời, chưa đồng bộ nên việc giải ngân nguồn vốn chậm.

- Cơ sở vật chất phục vụ phát triển KT-XH trong vùng đồng bào DTTS một số nơi còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu; việc triển khai lồng ghép một số chương trình, dự án phát triển KT-XH trong vùng đồng bào DTTS hiệu quả chưa cao, chưa tạo thành động lực thúc đẩy phát triển KT-XH trong vùng có đông đồng bào DTTS.

- Việc ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương chưa kịp thời.

3. Nguyên nhân hạn chế:

- Việc ban hành các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo thẩm quyền của các Trung ương, tỉnh còn chậm và chưa đồng bộ, chưa kịp thời, ảnh hưởng đến công tác triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình của huyện.
- Công tác phối hợp của một số ban, ngành huyện trong thực hiện Chương trình chưa thống nhất trong thủ tục, trình tự thực hiện.
- Một số địa phương (cấp xã) do điều chuyển, thay đổi cán bộ lãnh đạo nên trong công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình còn lúng túng; số lượng cán bộ công chức phụ trách Chương trình thường xuyên thay đổi.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc cũng như việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi tiếp tục được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời chỉ đạo các phòng, ban, ngành huyện và xã, thị trấn đề cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS; các văn bản về Chương trình được ban hành tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện,... Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh, thiên tai đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, nhất là người nghèo, người DTTS, dẫn đến kết quả giảm nghèo của huyện nói chung và đặc biệt là ở vùng đồng bào DTTS chưa thực sự bền vững,...

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục triển khai thực hiện các Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình nhằm phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS; đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS so với bình quân chung của huyện; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Dự án 1: Hỗ trợ đất ở cho hơn 20 hộ; nhà ở cho hơn 300 hộ; chuyển đổi nghề cho hơn 260 hộ; nước sinh hoạt phân tán cho hơn 300 hộ; đầu tư xây dựng 03 công trình nước tập trung; giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS 1% theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

- Dự án 3: Hỗ trợ 01 dự án trồng cây dược liệu quý; hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp; tạo việc làm, tăng thu nhập cho hơn 60% hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo dân tộc kinh, cận nghèo ở ấp ĐBK.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS xây dựng mới 03 công trình; 16 công trình chuyển tiếp của năm 2022 sang năm 2023; duy tu, bảo dưỡng 08 công trình.

- Dự án 5: Dự kiến lắp đặt 15 pano tuyên truyền công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giải quyết việc làm; tổ chức 08 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn nâng cao năng lực cho cộng đồng và tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Dự án 10: Tổ chức thẩm định đối tượng được hưởng lợi 16 cuộc, kiểm tra, giám sát 20 cuộc; Hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình 15 cuộc; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về giám sát cho cộng đồng 4 lớp; tham gia học tập; Dự hội nghị, hội thảo ở Hà Nội và các tỉnh khác, trao đổi kinh nghiệm 5 cuộc.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình: Trên địa bàn các xã, ấp vùng đồng bào DTTS; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn xã, ấp ĐBK, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS.

2. Đối tượng của Chương trình: Xã, ấp vùng đồng bào DTTS; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, ấp ĐBK; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, ấp ĐBK.

IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN, KINH PHÍ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Mục tiêu: Phân đầu hỗ trợ đạt 100% đối tượng hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống tại xã, ấp ĐBK, bao gồm: Hộ chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, dột nát được hỗ trợ đất ở, nhà ở; hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương có nhu cầu được hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề; hộ chưa sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành được

hỗ trợ nước sinh hoạt phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của người DTTS và địa bàn sinh sống.

- Đối tượng: Hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

- Nội dung:

+ Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể: Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng; ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

+ Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

+ Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

. Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất.

. Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

+ Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt

. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình.

. Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng ĐBKK chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

* Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

- Phân công thực hiện:

+ Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch, các ban, ngành huyện và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01, 03.

+ Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các ban, ngành huyện và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02.

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ban, ngành huyện và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 04.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

+ Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án 1 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án 1 theo định kỳ, đột xuất về Phòng Dân tộc và cơ quan chủ trì các nội dung số 02, 04 của Chương trình.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 1: 47.401 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 20.500 triệu đồng (vốn đầu tư: 16.400 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 4.100 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 2.521 triệu đồng (vốn đầu tư: 2.460 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 615 triệu đồng).

+ Vốn vay tín dụng chính sách: 23.400 triệu đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 980 triệu đồng.

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

* **Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.**

2.1. Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Mục tiêu: Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng địa phương; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây

trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS.

- Đối tượng: Hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã, ấp ĐBKK; các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

- Địa bàn: Các xã, ấp thuộc vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

+ Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, địa phương lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau: Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

. Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật.

. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

. Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

. Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

+ Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, địa phương tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

. Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

. Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

+ Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

- Phân công thực hiện:

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ban, ngành huyện và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01.

+ Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức thực hiện nội dung số 01 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất gửi về phòng Dân tộc và cơ quan chủ trì nội dung số 01 của Chương trình (phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

+ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

2.2. Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

- Mục tiêu: Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng, cây phân tán bền vững.

- Đối tượng: Các dự án phát triển dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn ĐBKK vùng đồng bào DTTS, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng; ấp, xã thuộc huyện Trà Cú.

- Nội dung:

+ Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đất để triển khai dự án.

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

+ Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

+ Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp huyện.

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

+ Hỗ trợ chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

+ Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

+ Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

+ Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

+ Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS.

- Phân công thực hiện:

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ban, ngành huyện có liên quan tổ chức thực hiện nội dung số 02; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất về phòng Dân tộc, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 87.206 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 37.361 triệu đồng (vốn đầu tư: 19.929 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 17.432 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 5.020,75 triệu đồng (vốn đầu tư: 2.989,35 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.031,4 triệu đồng).

+ Vốn vay tín dụng chính sách: 35.620 triệu đồng.

+ Vốn huy động khác: 9.205 triệu đồng.

3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

*** Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS**

- Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, ấp ĐBKK; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 90% ấp có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99,5% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Phạm vi: Các xã, ấp vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung:

* Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS; ưu tiên đối với các xã, ấp ĐBKK.

+ Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ấp; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

+ Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã ĐBKK trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trực động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã ĐBKK

nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào DTTS.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn ĐBK và công trình cơ sở hạ tầng các xã, ấp đã đầu tư từ giai đoạn trước.

- Phân công thực hiện:

+ Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung Tiểu dự án 1; chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện, Phòng Tài Chính - Kế hoạch, các xã, thị trấn có liên quan rà soát danh mục đầu tư bảo đảm không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn.

+ Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất về cơ quan chủ trì quản lý chương trình (Phòng Dân tộc).

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 17.559,35 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 15.269 triệu đồng (vốn đầu tư 14.289 triệu đồng; vốn sự nghiệp 980 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 2.290,35 triệu đồng (vốn đầu tư 2.143,35 triệu đồng; vốn sự nghiệp 147 triệu đồng).

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

*** Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS**

- Mục tiêu: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Đối tượng: Người lao động là người DTTS, người lao động là người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào DTTS; các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người DTTS và người lao động là người dân tộc

kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài.

- Nội dung:

+ Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề.

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS.

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào DTTS: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các ban, ngành huyện, địa phương có liên quan và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 theo định kỳ, đột xuất về cơ quan chủ trì quản lý chương trình (Phòng Dân tộc).

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 1.859,5 triệu đồng:

+ Ngân sách Trung ương: 1.617 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 242,5 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

5. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

*** Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình**

- Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

- Nội dung:

+ Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban, ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

+ Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp.

+ Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình các cấp tại địa phương.

- Phân công thực hiện: Phòng Dân tộc chủ trì, phối hợp với các ban, ngành huyện và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 3.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 205,9 triệu đồng, trong đó

+ Ngân sách Trung ương: 179 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 26,9 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

V. TỔNG MỨC VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023: 157.786,5 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 74.926 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư: 50.618 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 24.308 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: 10.655,5 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư: 7.592,7 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 3.062,8 triệu đồng.

3. Vốn vay tín dụng chính sách: 59.020 triệu đồng.

4. Vốn huy động hợp pháp khác: 13.185 triệu đồng.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện theo Mục VI Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú ban hành kèm theo Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan triển khai thực hiện và hướng dẫn thực hiện hiệu quả Kế hoạch này sau khi; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ 06 tháng, cuối năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Ban Dân tộc tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ vốn chi tiết năm 2023 để thực hiện kế hoạch này.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch, chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung, hoạt động đầu tư, hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các phòng, ban, ngành huyện, các xã, thị trấn.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với phòng Dân tộc, các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện kế hoạch này.

- Tổng hợp nhu cầu vốn đối ứng của xã, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan triển khai hướng dẫn quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Dân tộc, các phòng, ban ngành huyện có liên quan căn cứ khả năng ngân sách nhà nước năm 2023, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, đề xuất bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện kế hoạch theo quy định. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí trong tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện triển khai thực hiện quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và các xã có liên quan triển khai hướng dẫn quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, tranh thủ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của trung ương, tỉnh phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện chính sách, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu để thực hiện Chương trình.

4. Các phòng, ban, ngành huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch năm 2023 để triển khai thực hiện kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công; lồng ghép thực hiện kế hoạch này với các chương trình, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

- Hướng dẫn triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung được phân công chủ trì thuộc lĩnh vực của ngành.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các phòng, ban, ngành huyện, các xã, thị trấn.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Dân tộc, các phòng, ban, ngành huyện có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung được phân công chủ trì theo quy định, gửi phòng Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo huyện, Ủy ban nhân dân huyện.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về phòng Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo huyện, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Dân tộc tỉnh.

5. Trung tâm văn hóa- Thông tin và thể thao huyện Trà Cú

Phối hợp với Phòng Văn hóa- thông tin tăng cường công tác tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch này.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Căn cứ nội dung kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương chủ động xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm để triển khai thực hiện theo phân cấp

quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo theo quy định.

- Định kỳ 06 tháng, năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi về phòng Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo huyện, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Dân tộc tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội

Tham gia tổ chức thực hiện kế hoạch và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Giao Phòng Dân tộc chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc, kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện đảm bảo theo thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT HU, TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Nghị